



BẢNG TIN HẰNG THÁNG SỐ 46

HỘI ÁI HỮU BIÊN HOÀ

HỘI ĐOÀN BÁT VỤ LỢI VÀ TỪ THIỆN

GIẤY PHÉP SỐ 800032127 – SỐ MIỄN THUẾ VỤ: 20-0094475

TRỤ SỞ TẠM: 10731 TRIOLA LANE. HOUSTON, TEXAS 77072

DIỆN THOẠI: 713-933-3127 ** EMAIL: datlam1951@hotmail.com

datlam1951@hotmail.com Web Site: www.hoiaihoubienhoa.org

PHÁT HÀNH NGÀY 01 THÁNG 5 NĂM 2007, TẠI HOUSTON, TEXAS

Thành phần Ban Chấp Hành 2005-2007

Ban Cố Vấn

Lễ Nghi và Tương Tế

Ông Lê Văn Năm

Tổng Quát

Ông Lê Văn Trưởng

Văn Nghệ và Báo Chí

Ông Nguyễn Văn Thịnh

Ban Điều Hành

Hội Trưởng

Ông Lâm Sĩ Đắt

Phó Hội Trưởng Nội Vụ

Ông Nguyễn Bửu Lân

Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ

Ông Trần Văn Thanh

Thư Ký

Cô Hồ Thị Hạnh

Thủ Quỹ

Bà Bùi Văn Tuấn

T/B Lễ Vía Đức Ông

Trần Thượng Xuyên

Ông Từ Phước Hạnh

T/B Đại Hội Tân Niên

Ông Nguyễn Văn Ngàn

Thông Tin và Liên Lạc

Cô Vân : 281-261-5844

Ông Lâm Sĩ Đắt

Tư Gia : 281-933-3127

Cell Phone: 713-922-5638

Fax No. : 281-933-3127

Fax No. : 281-988-5090

Thư Ngỏ

Kính thưa Quý Bậc Trưởng Thượng,

Kính thưa Quý Đồng Hương và Thân Hữu,

Thời gian thấm thoát qua mau. Mới đó mà nhiệm kỳ của Ban Chấp Hành Hội Ái Hữu Biên Hoà (2005-2007) sắp mãn nhiệm. Cuộc bầu cử Tân Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 2007-2010 đang chuẩn bị để được tổ chức vào ngày 10-6-2007 tới đây, theo tinh thần buổi họp tại trụ sở tạm vào ngày Chúa Nhật 15 tháng 4 năm 2007.

Nhìn lại những chặng đường đã qua của một hội đoàn nhỏ bé, sinh sau đẻ muộn như Hội Ái Hữu Biên Hoà của chúng ta, thì những thành quả đã đạt được rất khiêm nhường, nhưng cũng rất phấn khởi. Đường hướng phục vụ về tinh thần qua sự phát hành Bảng Tin Hằng Tháng đều đặn theo định kỳ nay đã đến số 46 rồi. Biết bao là tim óc và công sức mà Quý Bậc Trưởng Thượng, Quý Đồng Hương và Thân Hữu tại thành phố Houston và các vùng phụ cận thuộc tiểu bang Texas đã cộng tác với chúng tôi trong chủ trương kiến tạo một di sản tinh thần về văn hoá hầu lưu lại cho các thế hệ về sau.

Đặc biệt, sự ủng hộ tài chánh, đóng góp bài thơ, văn của Quý Đồng Hương và Thân Hữu ở khắp nơi trên các tiểu bang thuộc Hoa Kỳ và các quốc gia Anh, Pháp, Canada, Na Uy, Bỉ, Úc, Đức, Ý, Việt Nam... đã giúp cho sinh hoạt Hội càng vững mạnh, trong đó Bảng Tin Hằng Tháng mỗi ngày thêm phong phú.

Trong vai trò “người giữ vườn”, tôi xin thay mặt cho Anh Chị Em đồng hương trong Ban Chấp Hành và các Ban, Ngành của Hội, trân trọng cảm tạ nghĩa cử cao quý và tấm lòng ưu ái mà Quý Vị dành cho Hội hơn 6 năm qua.

Con đường hãy còn dài, chúng tôi lúc nào cũng xin được lắng nghe, học hỏi và sẵn sàng đóng góp công sức nhỏ bé của mình vào công cuộc phát triển vững bền của ngôi nhà chung “Hội Ái Hữu Biên Hoà.”

Cầu xin ơn trên ban phúc cho Quý Bậc Trưởng Thượng luôn an Khang và trường thọ, Quý Đồng Hương và Thân Hữu cùng gia đình được nhiều sức khoẻ, vạn sự hạnh thông, thanh tâm an lạc.

Xin tất cả mọi tấm lòng của người con dân Biên Hoà luôn mở rộng vòng tay yêu thương, đoàn kết và tha thứ cho nhau để khối tình đồng hương Biên Hoà trên những vùng đất tạm dung nơi hải ngoại mãi mãi bền vững và giữ thom hương Bưởi.

Trân trọng kính chào.

Đồng Hương Lâm Sĩ Đắt

DUỠNG TRÍ VIỆN BIÊN HOÀ

Phần Hai

b/ -CHUYỆN THỨ 2: NHÀ VĂN NGUYỄN NGU Í

Tên thật là Nguyễn Hữu Ngu, con cả của Ông Nguyễn Hữu Hoan, nguyên là thầy giáo và là thầy thuốc Nam, rời quê miền Bắc Trung Việt vào Nam, định cư tại Bến Gỗ (Biên Hoà), cùng với em gái là Chị Nga, cách đây hơn nửa thế kỷ. Anh Ngu là thanh niên thông minh và kiến thức rộng. Với ý định giản dị hoá cách viết, Anh đã đề nghị thay đổi cách viết như: f (ph), i (y), c (k)...Thí dụ: fi phạm (phí phạm), nguien (nguyen), cì cục (kỳ cục), cèn cựa (kèn cựa). Do đó, biệt hiệu Anh là "Ngu Í" (Ngu Ý) mà anh đã giải thích là Ý Ngu. Anh đã quen thân với các nhà văn tên tuổi miền Nam như các Ông Hồ Hữu Tường, Bình Nguyên Lộc... Anh đã gửi bản thảo đề nghị cải cách chữ Việt lên Bộ Giáo Dục Việt Nam Cộng Hoà, nhưng hồ sơ bị xếp, không được trả lời. Rời Bến Gỗ, anh về Sài Gòn chung sống với vợ tại khu Bàn Cờ, chuyên viết văn và dạy học. Nhưng không may, Anh bị bệnh tâm trí, được đưa lên Dưỡng Trí Viện Biên Hoà chữa trị. Bớt bệnh, Anh rời viện, khi tái phát Anh trở vào lúc Bác Sĩ Hiệp còn làm Giám Đốc. Khi tỉnh, Anh dạy học (thập niên 1960-1970), có lúc làm giám khảo Việt Văn cho những kỳ thi Tú Tài, vì rất giỏi hai môn Pháp và Việt Ngữ. Một câu chuyện khôi hài xảy ra được Anh Trần Văn Khê, giáo sư thạc sĩ âm nhạc cổ truyền Việt Nam tại Pháp thuật kể lại, trong một nguyệt san Việt Nam tại Pháp, với tư cách bạn thân của Anh Ngu-Í, là có một lần cảnh sát xét giấy tờ anh, mà anh không có mang theo, anh cười hi hi đáp: "Tao ở nhà thương điên mới ra, cần ai điên này, còn lái nhái xét giấy, tao cần thử xem có điên không". Sợ quá, cảnh sát thả đi luôn. Sau biến cố 1975, tên Cha anh được đặt cho một con đường ở miền Nam, và Anh Ngu-Í được đưa ra Hà Nội. Nhưng vì thất vọng, Anh trở vào Nam, bệnh tái phát và cuối cùng vào cõi hư vô.

c/- CHUYỆN THỨ 3: NHÀ THƠ BÙI GIÁNG:

Sanh năm 1926 tại Quảng Nam, tạ thế ngày 07-1-1998 tại Bệnh Viện Chợ Rẫy. Anh được an táng tại nghĩa trang Gò Dưa (Thủ Đức). Anh là một thi sĩ tài ba mà giới văn học Việt Nam rất ngưỡng mộ. Sau biến cố 1945, Anh về quê, sau thời gian xa nhà tranh đấu, Anh bắt đầu cuộc đời chăn bò, chăn dê ở miền núi rừng và đi vào thế giới thi ca. Bài thơ "Anh đi vào núi chăn dê" là một tác phẩm tả cảnh, tả tình tuyệt vời cùng với bài "Nỗi lòng Tô Vũ". Vào Sài Gòn, anh đã cho in quyển thơ "Đi vào cõi thơ" tập 1, do nhà in Ca Dao ấn hành năm 1969 và nhà in An Tiêm tái bản tại Paris lần đầu năm 1998. Anh đã viết về những tác phẩm thơ của các ông: Tuệ Sỹ, Trương Cẩm Vũ, Huy Cận, Nguyễn Du...Thông thường, chữ tài và chữ tai hay đi đôi một vắn.

Anh mắc bệnh tâm trí và được điều trị tại Dưỡng Trí Viện Biên Hoà. Trong bài "Ngày tháng ngao du" Anh đã viết: *"Nó điên? Vâng, nhưng điên một cách vui vẻ. Ba đầu gối đó là mẫu thân bát ngát của con. Người ta bảo rằng nó không điên. Có kẻ bảo rằng nó già rồi điên. Muốn nói nó điên hay không điên, thì trước hết phải đáp vào câu hỏi: "Sao gọi là điên? Nhưng mà? Nhưng mà đó là một câu hỏi chưa hề có một lời giải đáp dưới gầm trời và suốt từ xưa tới nay vậy".*

Câu chuyện mắt trí của thi sĩ Bùi Giáng, theo báo Thế Kỷ 21 số 115 (11/1998) đăng tải, nữ nghệ sĩ Kim Cương đã đến viếng linh cữu của Nhà Thơ quảng tại chùa Vĩnh Nghiêm Sài Gòn, và đã xác nhận khi được phỏng vấn ngày 09-10-1998: *"Cách hơn 25 năm trước (tức trước 1975), một đêm khuya Anh Bùi Giáng đến đập cửa nhà Cô và hét: "Mẫu thân mở cửa". Cô hỏi: "Anh Giáng ở đâu về mà bơ phờ vậy?" Anh bảo ở nhà thương điên Biên Hoà, khi không có một Bồ Tát hiện tới bảo anh phải về gấp Sài Gòn để nhờ "Mẫu Thân" Kim Cương bảo lãnh mới "an toàn hiện sinh sinh hiện". Cô Kim Cương cười nói không dám nhận mấy tiếng "Mẫu Thân". Anh Giáng bèn quát: "Đồ phàm phu tục tử, như ai khanh một triệu năm chưa hiểu thấu tình yêu của trẫm." Thời ấy, Anh Bùi Giáng mặc bộ đồ nhiều màu, vai đeo lưng lủng mấy lon sữa bò rỗng, đi lang thang trong những "Ngày tháng ngao du". Quả thật, Anh là một nhân tài bất cần thế sự, chẳng ngại thị phi, sau khi qua đời nhiều người trong và ngoài nước mộ tài, thương tiếc...*

Để kết luận, Dưỡng Trí Viện là một thế giới nhỏ, khác biệt riêng rẽ với xã hội cộng đồng, chẳng những tại Việt Nam mà khắp cả các nước trên thế giới. Những bác sĩ cùng tất cả nhơn viên cộng sự đều có một tinh thần rất cao, thương người độ thế, hằng ngày sống hoà mình với người bệnh. Mục đích là dùng tâm lý để tìm hiểu tâm tư họ, giúp đỡ về vật chất lẫn tinh thần, giúp cho họ mất trí trở lại người bình thường, tái hoà nhập với xã hội, nơi mà cuộc sống bộn ba, chật vật, lo âu, buồn phiền, khiến người tinh trở thành ít nhiều loạn trí.

ĐÁNG CAO QUÍ THAY NHỮNG TÂM HỒN "BỒ TÁT".

Phương pháp trị liệu bệnh tâm thần tại Âu Mỹ hiện nay chủ trương ngoài y dược hoặc dùng điện kinh chạy điện đỡ đau thân thể cấp thời, còn dựa vào các khoa tâm lý học, xã hội học, phân tích tâm lý (Psycho-analyse: Phân Tâm Học), phân tích xã hội (Socio-analyse). Nhà xã hội học Pháp R. Bastide phân biệt 3 loại bệnh: 1- Tâm thần do xã hội (Psychopathologie): Xét căn bệnh do xã hội tạo ra. 2- Do mâu thuẫn giữa cơ sở điều trị và phương pháp trị liệu không thích ứng. 3- Do tình trạng gia đình, nơi chốn người bệnh, hoặc do tôn giáo, tà giáo hay tin tưởng thần lực, dị đoan tạo nên (Thí dụ: Ma quỷ nhập, tự tử tập thể để lên thiên đường?)

Cuối thế kỷ XIX, nhà xã hội học G. Vidon đã thêm ngoài 3 yếu tố trên, còn có sự cần công khai hoá sự giao liên giữa nhà chức trách về xã hội và các cơ sở điều trị, để tìm giải pháp trị liệu thích ứng. Nhà xã hội học Mỹ ông T. Parson lại chú trọng đến sự không phù hợp tính giữa luật lệ xã hội đặt ra, và nguyện vọng chung của thành phần sống trong cộng đồng theo đà tiến triển trên thế giới hiện nay. (Thí dụ: Cấm tuyệt hay trừng trị nặng ngôn luận, phê bình chính xác về tham

những, tề đoàn xã hội, trong khi giới chức trách muốn chúng tỏ chế độ là dân chủ, bảo vệ nhân quyền). Phương pháo này liên hệ đến “chánh trị”, một yếu tố không kém phần quan trọng đối với việc phòng ngừa bệnh tâm thần, trong cách thức “Tâm lý trị liệu” do các nguyên nhân trên. Để kết thúc bài lược khảo này, xin có vài cảm tưởng sau:

DIÊN TỈNH

*Thế sự thường hay nói Tỉnh Diên,
Biết sao là Tỉnh, biết sao Diên?
Diên trong thời loạn nên thương hại,
Tỉnh giữa đổ tường, chẳng xót khuyên
Diên không gây hại, lòng an lạc,
Tỉnh chẳng thiện tâm, đã khổ phiền
Diên còn chữa trị, diên thành tỉnh
Tỉnh vẫn tà gian, tỉnh hoá diên!*

TRẦN VĂN TRUNG – Virginia Beach, (Mùa Hè nóng bức - 04.7.2006)

QUÊ HƯƠNG XƯA, HÌNH BÓNG CŨ

Hoàng Anh Tài

Nhân đọc bài viết của Ông Trần Văn Trung về đề tài “DƯỠNG TRÍ VIỆN BIÊN HOÀ” đã gợi ý cho tôi nhớ lại những kỷ niệm lúc thiếu thời nơi quê hương Xứ Bưởi với bao luyến lưu mến tiếc, những bậc đàn anh, những hình ảnh ngày xưa, nay đã chôn vùi theo thời gian, qua những bước thăng trầm của đất nước.!!

Tôi sinh ra và lớn lên gần Hãng Cưa B.I.F Biên Hoà. Chỗ tôi ở không cách xa mấy với Dưỡng Trí Viện mà ngày xưa người bình dân thường có thói quen gọi “Nhà Thương Diên”. Từ hướng Chợ Biên Hoà vào đến mũi tàu Ngã Ba Vườn Mít, chỗ có cây xăng của Ông Tổng Lạc, bên phải là Quốc Lộ 15 đi Long Thành-Vũng Tàu, đường bên trái đi độ hai cây số là đến nhà thương ấy. Thời kỳ còn bé bỏng, độ bảy tuổi, tôi thường đi bộ từ nhà qua khỏi nhà thương diên để thăm ba tôi là Thầy Mười Giương, cai quản một sở cao su liên ranh với khu nhà thương. Còn nhớ mỗi lần tôi đi ngang qua, không biết tại sao có một anh bệnh nhân đã tỉnh la to lên: “Thằng nhỏ đó là con Mười Giương đấy”.

Rồi đến khi tôi lớn lên độ 14, 15 tuổi gì đó, mỗi năm đến Rằm tháng Bảy Âm Lịch, Dưỡng Trí Viện có tổ chức lễ cúng cô hồn, cầu siêu cho bệnh nhân và nhân viên cơ sở, có lập trai đàn, có tổ chức cho giựt giàn bằng những cỗ bánh bày cúng như bánh bò, bánh ít, bánh quy v.v... Tuổi trẻ hiếu kỳ, mỗi lần như vậy, tôi đều chịu khó đến xem. Quang cảnh đẹp mắt mà tôi thích nhất là lúc các Ông Sư gõ mõ, gõ phèn la nhỏ, tụng kinh lãnh lót đốt vàng mã và cho những con hạt làm bằng giấy “nhậm châu” uống rượu. Tôi cũng không làm sao quên được thời gian ấy có một bà cao niên, cụ bệnh nhân, người mập mập hồng hào, có tài thêu may. Bà đã trình bày cho chúng tôi xem một chiếc chăn bằng những mảnh vải vụn hình tam giác do chính tận tay Bà may. Ngoài ra, cũng cần phải kể, có một Ông trọng tuổi cũng nửa tỉnh nửa diên, gặp chúng tôi Ông ta xỏ hàng loạt tiếng Pháp, có người biết chuyện bảo tại Ông ta học nhiều quá nên đâm ra lãng trí, lại cũng có dư luận cho rằng vì Ông giỏi quá nên bị đầu độc!

Mỗi lần vào sở nơi ba tôi làm, tôi thường xuống một dòng suối, có lẽ bắt nguồn từ cao nguyên Trung Phần, để vọc nước rửa chân, suối nước mát lạnh và rất trong. Con suối này chảy ngang qua Dưỡng Trí Viện Biên Hoà, đến đầu hàng rào dây kẽm gai bệnh viện, có xây một hồ tắm cho bệnh nhân thường xuyên đến giặt, rửa ráy. Dòng suối chảy qua cầu đúc đến bờ rào Hãng Cưa Tân Mai rồi đổ ra sông Phố, phụ lưu của sông Đồng Nai. Thời ấy, tôi còn trẻ tuổi nhưng rất tò mò và quen biết nhiều viên chức lớn tuổi hơn, đại để như Ông Quản Sáu, Ông Tám Đẩu, Ông Tư Báu (hồi giữa thập niên 39, Ông Báu thuộc “Bộ TỬ Quân Vợt Nam Kỳ: “Nhánh, Sáu, Báu và Cường) một tay quần vợt rất cừ, nguyên là nhạc phụ của Huỳnh Cửa (Quán Cháo Lòng).

Ngoài những căn nhà khang trang xây bằng gạch, lợp bằng ngói, có cả mấy chục căn, mỗi căn đều được gọi là “Pavillon...” mà lâu ngày quá tôi không nhớ tên. Bệnh nhân được chia ra làm nhiều hạng, người bệnh nặng thì phải sống cách ly, người bệnh nhẹ hay gần lành hẳn thì được hưởng chế độ tự do nhiều hơn. Bệnh nhân được mặc y phục gần như là tôi phạm thời thực dân...Nơi khu nhà của viên chức giám thị (Surveillant) thì rất sạch sẽ và khang trang, tại khu nhà tập thể này, có một sân quần vợt (tennis) bằng đất nện (terre battue) mà sau này tôi cũng có nhiều dịp đến chơi. Bệnh viện có một chiếc xe ngựa hình “trái bít”. Mỗi ngày có ông đánh xe được mệnh danh là Ông Sáu C. X đánh xe ra chợ Biên Hoà mua thức ăn về cho bệnh nhân. Nhiều người bạn đồng học với tôi sau này cũng trở thành Giám Thị của bệnh viện này như các anh: Nguyễn Ngọc Sung (Con nuôi Ông Sáu C.X) sau này là Đại Úy Trưởng Phòng Nhì Tiểu Khu Biên Hoà, anh Nguyệt máy cưa (làm thợ đèn), anh Thành, Chị Huệ người Ấn, vợ chồng anh hai Thê...

Qua khỏi cầu đúc về phía bên trái có một sân banh, điều đáng vinh danh là Đội bóng tròn của Dưỡng Trí Viện Biên Hoà với những đối thủ như Anh Bảy Hiền, thủ môn, Anh Sáu Cừ, hậu vệ, Anh Thê tiền đạo, Anh Mùi, sau này là cầu thủ của đội banh Tòa Đô Chính Sài Gòn, là những đấu thủ tên tuổi làm rạng danh cho Hội “ASILE SPORTS” vì đã oanh liệt thắng đội bóng “CÀN GIUỘC” để đoạt danh hiệu “Vô địch chân không” coi như một chiến công “vô tiền khoáng hậu.”

Một kỷ niệm khó quên, sau thời gian 1945, từ khu kháng chiến Tân Uyên trở về, tôi phải ẩn trốn ở trong khu nhà của

các giám thị, tại nhà của người em cô cậu với tôi là Nguyễn Văn Vàng, nay là thông gia với Anh Đỗ Cao Thanh (Cali).

Lại một kỷ niệm vô cùng độc đáo nữa, vốn mang một tâm hồn nghệ sĩ, tại Dưỡng Trí Viện có anh Mười Kiều xưa kia là thợ sắp chữ nhà in ở Sài Gòn, anh là một nghệ sĩ tài hoa, ca rất mùi mà đàn cũng rất hay. Anh đến làm giám thị tại bệnh viện, chúng tôi chơi với nhau rất thân, có một năm Biên Hoà bị bão lụt không làm cách nào để ra chợ Biên Hoà đàn ca được, hai anh em ghiền quá, anh Mười Kiều đàn miệng sáu câu vọng cổ và tôi cũng ca không đờn, cũng bút phá, cũng ca đúng nhịp. Đó là những kỷ niệm khó phai thời thơ ấu.

Vào thời tiền bán thế kỷ thứ XX, quân đội Pháp đã trưng dụng một phần nhà cửa, đất đai của bệnh viện để lập căn cứ huấn luyện mà họ gọi là “Trường Cán Bộ” (École des Cadres) dành để huấn luyện sĩ quan Lực Lượng Bổ Túc (Forces Supplétives). Lễ mãn khoá đầu tiên được Thủ tướng Trần Văn Hữu đến chủ tọa. Sĩ quan hậu cần lúc bấy giờ là Thiếu Úy Nguyễn Khắc Tuấn (trước là chiến hữu với tôi). Ông ta ở Thiết Giáp (5è Cuirs) nguyên có Pháp tịch tên Marcel, sau là Đại Tá Ban Quân Huấn tại Bộ Tổng Tham Mưu, đi tù cải tạo và đã lia đời! Địa danh Dưỡng Trí Viện cũng là nơi mà Ông Đồi, một người hùng của bót Tân Ba, bị phục kích chết và viên Thanh Tra Mật Thám Bailly chạy thoát.

DƯỠNG TRÍ VIỆN hay BỆNH VIỆN TÂM THẦN là nơi để chữa bệnh cho những người mắc bệnh tâm thần, thế mà đã có một lần một nhà báo ở Sài Gòn, nhân có được tin một anh tài xế lái xe ẩu đụng chết người, anh ta lại viết báo tá oán báo “Người tài xế có máu Biên Hoà” nhục mạ quá nặng lời; thế nên, nhà văn Lương Văn Lựu không dẫn được, liền viết bài phản kháng và ý thức cho anh ta được rõ Biên Hoà là Địa Linh Nhân Kiệt, là đất lành chim đậu, là nơi phong cảnh đẹp, khí hậu hiền hoà, tiện cho việc chữa trị các con bệnh về thần kinh. Nhà văn kiêm nhà thơ Nhất Lưu còn giáng mạnh cho kẻ vu khống nhớ là “Cái nhà anh ấy ở cũng do vôi, gạch, ngói, cát của Tinh Biên Hoà cung cấp, thậm chí cho đến chiếc xe ô tô của anh ta, bốn bánh lăn đều trên đường nhựa cũng do cao su của Biên Hoà chế tạo ra.”

Thiết nghĩ: “Thuốc đắng mới lành tật”, có lẽ nhờ xuyên qua bài báo ấy có đăng tải trong những quyển “Biên Hoà Sử Lục” mà sau này người đời nhắc đến địa danh Biên Hoà với một mỹ từ ưu ái như: Bưởi ngọt, bắp ngọt Biên Hoà, đặc biệt là “Gạo Cần Đước, Nước Đồng Nai”.

Ngậm ngùi kể lại chuyện Quê Hương Xưa với bao nhung nhớ, để thắm than: “Ôi quê hương biết bao tình thương”, “Ôi quê hương biết bao tình nhớ”. Những người xưa, già nua giờ cũng hoá ra người thiên cổ, những danh xưng dành cho bệnh viện từ những danh từ như: Nhà Thương Điên Biên Hoà, Dưỡng Trí Viện, rồi đến Bệnh Viện Tâm Thần cũng luân phiên thay đổi, và có lẽ dòng suối trong mát giờ cũng đã cạn với thời gian năm tháng !!

Vạn vật đều đổi thay, mong rằng lòng người – Nhất là những đồng hương với nhau –Đừng bao giờ thay đổi!!!!???

Hoàng Anh Tài (Paris. France)

Phân Ưu

Được tin buồn Đồng Hương Anh Giang Hữu Nam, (chủ nhân nhà hàng Kim, Harvey, Louisiana, gia đình trước năm 75 có gian hàng bán hủ tiếu xào nổi danh ở trong khu chợ Biên Hoà, và là em của Anh Giang Hưng, cựu học sinh Ngô Quyền) sinh ngày 29 tháng 10 năm 1952 tại Bình Trước, Biên Hoà, đã từ trần vào ngày 27 tháng 3 năm 2007 và được an táng tại New Orleans, Louisiana ngày 13 tháng 4 năm 2007. Hưởng dương 56 tuổi.

Hội Ái Hữu Biên Hoà xin thành kính phân ưu và chia buồn cùng gia đình Anh Giang Hữu Nam và toàn thể tang quyến. Nguyễn xin hương linh Anh Giang Hữu Nam sớm tiêu diêu nơi miền Cực lạc, cõi Niết Bàn.

Cảm Tạ: Quý Đồng Hương sau đây đã đóng góp giúp quỹ Hội (Dollars): Thi sĩ Hàn Thiên Lương Phạm Văn Tốt & Liên (Portland, OR) \$30, Anh Ngụy Đức Mỹ (Kenner, LA) \$50, Anh Nguyễn Văn Ngân (Houston, TX) \$30, Chị Tuyết Võ (La Verne, CA) \$10, Ông Nguyễn Thành Long (Houston, TX) \$20, Ông Ngô Văn Minh (San Jose, CA) \$100, Ông Vũ Khánh Thành (England) \$50, Chị Nguyễn Thị Tình (Houston, TX) \$30, Chị Nguyễn Thị Ngọc Tảo (Riverside, CA) \$40, Chị Nga Trịnh (Wheeling, IL) \$20, Anh Dương Minh Đức (San Jose, CA) \$30. Anh Chị Bùi Thị Lập (Azusa, CA) \$50, Anh Võ Kim Hùng (Houston, TX) \$20.

Chúc Mừng

Ban Chấp Hành Hội Ái Hữu Biên Hoà nhận được thiệp mời của Đồng Hương Ông Bà Thomas Thái trân trọng báo tin Lễ Vu Quy của Trưởng Nữ Thái Mỹ Linh sánh duyên cùng Trưởng Nam Đặng Quang Tầm, II, con của Bà Lê Ngọc Biết, tại tư gia 6642 Radley Drive, Spring, Texas 77379, vào lúc 10 giờ sáng thứ Bảy, ngày 19 tháng 5 năm 2007.

Hội Ái Hữu Biên Hoà chân thành kính chúc hai họ được Rê Quý và Dâu Hiền. Mến chúc Cô Thái Mỹ Linh và Cậu Đặng Quang Tầm, II sống một đời hạnh phúc bên nhau.

Chúc Mừng

Ban Chấp Hành Hội Ái Hữu Biên Hoà nhận được thiệp mời của Đồng Hương Ông Bà Nguyễn Văn Thịnh trân trọng báo tin Lễ Vu Quy của Thứ Nữ Nguyễn Cao Ái Thy sánh duyên cùng Trưởng Nam Đỗ Hoàng Vũ, con của Bà Hoàng Thị Nhuận, tại thánh đường Ngôi Lời Nhập Thể vào lúc 16 giờ chiều ngày 26 tháng 5 năm 2007.

Hội Ái Hữu Biên Hoà chân thành kính chúc hai họ được Rê Quý và Dâu Hiền. Mến chúc Cô Nguyễn Cao Ái Thy và Cậu Đỗ Hoàng Vũ sống một đời hạnh phúc bên nhau.

PHỤ BẢN BẢNG TIN HÀNG THÁNG SỐ 46

PHÁT HÀNH NGÀY 01 THÁNG 5 NĂM 2007 TẠI HOUSTON, TEXAS

Hội Ái Hữu Biên Hoà rất hân hạnh được giới thiệu đến cùng Quý Đồng Hương và Thân Hữu một bài viết rất hay “Thằng Bé Đánh Giày Người Nghĩa Lộ” của Thân Hữu Nhà Văn Phạm Tín An Ninh, đang định cư tại Vương Quốc Na Uy. Một câu chuyện, dưới ngọn bút thanh giản, ý nghĩa sâu sắc và đầy nhân tình, cho chúng ta thấy được một cảnh đời đã, đang và sẽ còn xảy ra trên một quốc gia.....Hội chân thành cảm tạ Anh Phạm Tín An Ninh. Kính mời Quý Vị.

THẰNG BÉ ĐÁNH GIÀY NGƯỜI NGHĨA LỘ

Mấy ngày gần ngủ ở Sài Gòn, tôi thường đến ăn tối tại một quán ăn gần khách sạn tôi ở, đi bộ chừng năm phút, có tên Nhà Hàng Thanh Niên, nằm phía sau nhà thờ Đức Bà. Một nơi tương đối yên tĩnh, có khu vườn lộ thiên nhỏ với những khóm trúc dễ thương, và nhất là được nghe lại những bản nhạc tình ca -kê cả tình lính- của miền Nam thuở trước.

Sài Gòn dường như không kịp thở vào những ngày cuối năm. Ngoài đường tấp nập xe cộ và trên vỉa hè cũng kín cả người. Tất cả đều hồi hải ngược xuôi, làm như tất cả không còn đủ thời gian để kịp “đổi đời”. Tôi thấy mình lạc lõng trong cái không gian ấy. Tốt nhất là tìm một nơi vắng vẻ ngồi một mình để suy tư và hồi tưởng về Sài Gòn của một thời xưa cũ, mà bây giờ mơ hồ như chỉ còn trong cổ tích.

- Chào chú, cháu đánh giày cho chú nhé.

Tôi giật mình khi nghe một giọng rất Bắc Kỳ, chưa kịp quay lại thì ba chú bé đã đến trước mặt tôi. Thằng bé nhất và cũng đứng gần tôi nhất, nhìn tôi gật đầu chào:

- Sao chú ngồi một mình buồn thế? Trông chú hơi lạ. Chắc chú là “Việt Kiều” mới về thăm quê?

Tôi ngạc nhiên, không hiểu tại sao thằng bé biết mình là “Việt Kiều”. Bởi tôi ăn mặc rất đơn giản. Có thể nói là đơn giản nhất so với những thực khách có mặt ở đây. Và mặc dù không ưa cái danh xưng “Việt Kiều” này, nhưng thấy thằng bé lễ phép dễ thương, tôi giả tiếng Bắc đùa:

- Chú ở nước ngoài về chứ không phải Việt Kiều. Thế ngoài ấy quê cháu ở đâu?

- Cháu ở tận Nghĩa Lộ - Yên Bái

Tôi nắm tay nó:

- Thế hoá ra mình là đồng hương đây. Chú cũng từng ở Nghĩa Lộ một thời gian lâu lắm.

Thằng bé tròn xoe đôi mắt:

- Chú cứ đùa. Trông chú chẳng phải người quê cháu.

Tôi bèn kể một mạch về Nghĩa Lộ cho thằng bé nghe, từ con sông, con đường cho đến cái dốc Cổng Trời và cái thung lũng Hang Dơi nằm sâu trong vùng núi rừng cực Bắc. Thằng bé ngạc nhiên thích thú, nhưng đôi mắt cứ nhìn tôi không chớp. Tôi bật cười, vỗ vai thằng bé:

- Xin lỗi cháu. Chú đùa cho vui. Đúng là chú từng ở Nghĩa Lộ gần năm năm. Nhưng mà chú bị tù cải tạo ngoài ấy.

Cả ba thằng bé cùng nhao lên:

- À, đúng rồi, con đường ô-tô từ dốc Cổng Trời về huyện, bây giờ người ta vẫn gọi là Đường Từ Cải Tạo. Vì nghe mấy ông bà cụ bảo do các chú trong Nam ra cải tạo đắp con đường ô-tô ấy.

Ba thằng ở ba nơi khác nhau ngoài Yên Bái. Cả làng đang đói, nên rủ nhau bỏ quê vào miền Nam kiếm sống. Khởi nghiệp là đi xin, sau đó cũng chạy theo “nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, ba thằng chung vốn làm ăn, kiêu công ty hợp doanh. Một thằng bán vé số, một thằng bán báo, còn thằng bé nhất đánh giày. Vậy mà cũng sống thoải mái (dù chỉ trên vỉa hè), lại còn dành dụm tiền gửi về cứu trợ gia đình. Thằng bé nhất đang nói chuyện với tôi quê ở thôn Thượng Sơn, thuộc huyện Nghĩa Lộ. Một cái huyện miền núi nghèo xơ xác, có thể là một trong những nơi nghèo nhất nước, nằm cực Bắc tỉnh Hoàng Liên Sơn ngày trước, cách thị xã Yên Bái khoảng một ngày đường. Và cũng là nơi đã từng nhốt nhiều tù cải tạo từ miền Nam chuyển ra, từ anh binh nhì Thuý Quân Lục Chiến bị bắt trận Hạ Lào, cho đến hơn ba mươi tướng lãnh, mà đa số đã không bỏ rơi đồng đội của mình vào giờ thứ hai mươi lăm.

Đã hơn ba mươi năm, và bây giờ đang ngồi giữa thủ đô Sài Gòn xưa, tôi cứ tưởng là mình đã quên rồi cái tên Nghĩa Lộ. Vậy mà hôm nay tôi có cảm giác như đang đứng giữa núi rừng Hoàng Liên Sơn, nhìn những thằng bạn tù - và thấy cả chính mình nữa - đang bị hành hạ, đối khổ khốn cùng.

- Cháu đánh giày cho chú nhé. Cháu đánh để kỷ niệm, để đền ơn chú đã từng đắp con đường ô-tô cho quê cháu, chứ không phải xin tiền xin bạc gì chú đâu nhé.

Câu nói hơi dài của thằng bé làm tôi bật cười, trở về thực tại. Tôi cười bởi nghe thằng bé rất nhà quê này xài hai tiếng kỷ niệm, và nói năng ra điều nghĩa hiệp. Mà có thể là nó nghĩa hiệp thiệt. Ngày xưa khi còn trong lính, sau mỗi lần hành quân về phố, tôi cũng từng quen, và đỡ đầu cho những em bé đánh giày. Tụi nó nghèo, ít học, nhưng biết yêu thương đùm bọc lẫn nhau, và chí nghĩa chí tình. Sau ngày ở tù về, trong lúc làm lơ xe, bất ngờ tôi gặp lại hai đứa đang làm bốc vác ở bến xe Tuy Hoà. Bây giờ là hai cậu thanh niên khoẻ mạnh. Có điều sống dưới chánh quyền mới, “nhân dân làm chủ tập thể” nhưng hai thằng không có một mảnh đất cắm dùi, ngày làm ở bến xe, tối ngủ ở chợ. Nghề đánh giày cũng không còn.

không phải vì những thằng bé đánh giày giàu lên sau cuộc đổi đời, mà vì chẳng còn ai mang giày nữa để mà đánh. Vậy mà gặp lại tôi, hai đứa nhận ra, mừng rỡ như gặp lại người thân, vẫn một tiếng “anh Ba”, hai tiếng “anh Ba” như hơn mười năm trước. Tôi tìm mọi cách từ chối, nhưng hai đứa bảo tôi nhất định phải nhậu với tụi nó một chầu, mừng cho cuộc trùng phùng này mới trọn nghĩa anh em. Khi chia tay, còn nhét vào túi tôi một mớ tiền nhăn nheo, bảo là gói quà cho các cháu. Tôi thực sự cảm động trước lòng thủy chung của tụi nó, trong lúc có bao nhiêu thằng vốn học thức đầy mình, nhưng mới một sớm một chiều đã trở mặt phản thầy, phản bạn, chạy theo nịnh bợ những thằng “cách mạng 30”, mà mới hôm qua hôm kia còn bị khinh rẻ là đám lưu manh, xích lô, xe kéo!

Anh bồi bàn của nhà hàng mang thức ăn đến và đuổi ba thằng bé ra khỏi quán. Tôi vui vẻ nói với anh là tôi mời ba cậu bé, rồi quay sang bảo ba đứa kéo ghế ra ngồi và gọi bất cứ thức ăn nào các cháu thích. Tất cả tròn mắt ngạc nhiên rón rén kéo ghế ngồi và mỗi đứa chỉ kêu một đĩa com chiên Dương Châu.

Điều đặc biệt làm tôi lưu tâm tới thằng bé nhỏ nhất bọn này, bởi quê nó ở thôn Thượng Sơn. Một làng quê xa nhất của cái huyện Nghĩa Lộ đèo heo hút gió. Vậy mà có lần tôi đã đến đó và ở lại đó gần cả một tuần. Một tuần duy nhất được no, được vui và hạnh phúc trong tám năm tù tội.

Khi mới ra Bắc, tôi được đưa về trại 3 Hang Dơi. Sau ba năm được chuyển về trại 6 Nghĩa Lộ, nằm cách trại 5 của mấy ông tướng mấy cái ao nuôi cá. Sau một trận kiệt lực, tôi chỉ còn da bọc lấy xương, đứng không vững thì còn sức ở đâu để mà biến “sôi đá thành cơm”, nên được chuyển từ đội trồng trà sang đội “tăng gia”, tức là trồng rau, mà nhiều nhất là rau muống. Vào mùa Đông, vùng Hoàng Liên Sơn khá lạnh, nên các loại rau không mọc ra được, đám chúng tôi phần đông chuyên qua trồng sắn, phát rừng, còn lại luân phiên nhau mấy toán, vào vùng núi mua thực phẩm, chủ yếu là cho “cán bộ trại”, chứ còn đám tù bọn tôi thì đã có “sắn” (khoai mì) để “khắc phục”.

Toán bốn thằng chúng tôi, do một vệ binh dẫn đi, kéo theo hai cái xe cải tiến (loại xe đóng bằng gỗ giống như chiếc xe bò nhỏ) vào Thượng Sơn, nằm cách trại khoảng 60 cây số. Trong thời gian tù tội, những ngày được đi xa như thế này thật là hiếm hoi, hạnh phúc ghê gớm lắm, chẳng khác gì người trong nước bây giờ được xuất ngoại. Ít nhất cũng được tự do hơn, ăn uống khá hơn, và nhất là được sống với dân để nghe họ nói những điều chân thật. Có một trùng hợp lý thú là trong bốn thằng tù bọn tôi đều có đủ Bắc, Trung, Nam. Một thằng chính gốc Hà Nội 54, một thằng xứ Huế, một thằng Nha Trang là tôi và một thằng nữa là dân Cần Thơ, Nam Bộ.

Khởi hành từ sáng sớm, chiều chúng tôi đến làng. Nếu không đến đây có lẽ chẳng ai ngờ là giữa núi rừng xa xôi hẻo lánh này lại có một cái làng với khoảng một trăm nóc nhà nằm dọc bên bờ con suối lớn dưới những tàng cây che kín mặt trời. Vậy mà trông rất sạch sẽ và thơ mộng. Từ cổng làng, bọn tôi đã nghe tiếng chim hót líu lo hoà trong tiếng suối chảy róc rách giữa một vùng núi rừng tĩnh mịch.

Bọn tôi được sắp xếp ở trong một căn nhà mái lá cọ, có vách bằng nứa, nằm dưới một tàng cây cao, sát bên bờ suối. Chủ nhà là một bà già trọng tuổi. Điều làm chúng tôi ngạc nhiên là trông bà không giống những người dân mà chúng tôi thường gặp ở vùng này, từ cách ăn mặc tới cử chỉ nói năng. Lúc nào bà cũng vui vẻ niềm nở với chúng tôi, trên môi lúc nào cũng có sẵn nụ cười. Thằng bạn tù gốc Hà Nội của bọn tôi quả quyết là bà nói đúng giọng Hà Nội, cái thời còn một Hà Nội thanh lịch. Trên vách, treo một tấm giấy khen với một cái tên cũng rất Hà Nội, không hợp với khung cảnh núi rừng này: “Bà Vương Chu Khánh Hà”. Cái tên trùng tên một cô ca sĩ miền Nam, làm chúng tôi dễ nhớ.

Bà ở với người con trai, vừa làm y tá cho thôn, vừa làm rẫy, trồng thom (dứa), trồng nhãn. Một phần đất anh dành ra trồng rau và nếp nương. Anh nói năng hiền lành dễ mến. Đặc biệt rất thương và chiều mẹ.

Ngày đầu tiên, bà chỉ cười chào bọn tôi, không dám đến gần “quan hệ”. Nhưng hôm sau, bà mua chuộc anh vệ binh và giới thiệu cô thợ may ở nhà kế bên cho anh ta, nên anh ta đóng đô luôn bên ấy. Bà cho chúng tôi ăn xôi, ăn thịt rừng, còn thêm đủ loại trái cây bà mua được trong làng. Ở đây, ăn uống như thế là thuộc hàng “tư bản”. Ban ngày chúng tôi đi khắp nơi mua thực phẩm các loại, chiều về lại nhà, kéo nhau xuống suối tắm, rồi được ăn một bữa cơm “thịnh soạn”, bọn tôi có cảm giác như đang ở đâu đó trên thiên đàng.

Đêm nào bà cũng mang đến một ấm trà tươi, ngồi tâm sự với bọn tôi tới khuya. Đúng như thằng bạn tù gốc Hà Nội nhận xét, bà dân Hà Nội chính tông. Ngày xưa gia đình bà giàu có. Vợ chồng làm chủ một hãng dệt lớn nhất nhì Hà Nội. Sau Hiệp Định Genève, chia đôi đất nước, chân chày tiếc của, chưa kịp xuống tàu “Há Mồm” chạy vào Nam thì bị đánh tư sản. Chồng bà chết trong tù, nhà cửa bị tịch thu, bà bị bắt buộc phải dắt theo hai đứa con, một trai một gái, đứa nhỏ nhất chỉ mới sáu tuổi, cùng một số “đối tượng” khác lên vùng núi non này, lúc ấy gọi là Khu Kinh Tế Mới Thượng Sơn.

Ngày ấy, cả khu này chỉ là rừng thiêng nước độc. Chỉ ba tháng sau là con bé gái chết vì sốt vàng da, mà không tìm đâu ra một viên thuốc. Bà nhìn lên trời mơ màng, kể lại cho bọn tôi những ngày đầu mới đến, nước mắt chảy dài trên má.

Sau đó, vì bản năng tự tồn, những người “Hà Nội lưu đầy” (chữ của bà), ngồi lại, cùng bàn bạc nắm tay vượt lên số phận. Trong số những người lên đây, có nhiều thành phần, đa số là tư sản và trí thức. Với bộ óc và với kinh nghiệm trên thương trường, vậy mà họ đã tận dụng được để cùng nhau vươn lên trong chốn thâm sơn cùng cốc này. Dù nghèo khổ, họ vẫn giữ được cái tình, cái thanh lịch của người Hà Nội. Điều mà chính quyền cần họ phải gột rửa.

Ngày tiễn chúng tôi đi, bà năn nỉ và dứt lốt anh vệ binh cho chúng tôi được nhận một kí nếp, một ít thịt rừng, muối mặn, nhưng bị chối từ, mặc dù anh ta cũng rất quý bà. Cuối cùng để cho bà vui, anh vệ binh cho chúng tôi được ăn tại chỗ một bữa no nê, lần này còn có cả rượu nếp, do chính tay bà cất.

Một tháng trước ngày rời Nghĩa Lộ, bọn chúng tôi ngày đêm phải đắp cho xong một con đường ô-tô kéo dài từ Nghĩa Lộ lên tận dốc Cổng Trời. Chúng tôi thắc mắc không biết để làm gì, vì gần năm năm ở đây, thỉnh thoảng chỉ thấy vài người

đạp xe đạp hoặc thồ ngựa trên con đường ngoằn ngoèo heo hút này. Đến ngày chuyển trại vào Nghệ Tĩnh, chúng tôi mới biết con đường này dùng để chuyển quân lên Lạng Sơn ngăn chặn bọn bá quyền Trung Quốc vừa xua quân tràn qua biên giới đòi “đạy cho người anh em một bài học”.

Hơn ba mươi năm, con đường “làm lại cuộc đời” của riêng tôi cũng thăng trầm, quanh co không kém, đã làm tôi tạm quên một quá khứ buồn thảm, dù tất cả vẫn còn nằm sâu chôn chặt tận đáy lòng. Bất ngờ hôm nay, thằng bé đánh giày gọi tôi nhớ lại. Có điều trong bao nhiêu đau đớn chất chồng cũng có đôi điều vô cùng đẹp đẽ, chẳng khác gì một đoá hoa nở trên sỏi đá, một cành lan mọc giữa rừng già, trên một thân cây héo khô cần cỗi.

- Thế cháu ở Thượng Sơn có biết bà Vương Chu Khánh Hà. Bây giờ chắc cũng đã hơn tám mươi?

Tự dưng tôi buộc miệng hỏi thằng bé, để rồi ngần người ra khi nghe nó trả lời:

- Ô, đó là bà nội cháu. Bà mất hơn năm năm rồi!

Lòng tôi chùn xuống.

Thằng bé kể lại những ngày cuối cùng của bà nội, lúc ấy nó mới tám tuổi. Khi mà ở Hà Nội đầy dẫy quán bar và nhà hàng sang trọng, dành cho khách nước ngoài và những ông quan lớn, thì cái thôn Thượng Sơn này vẫn cứ nghèo xơ xác. Một số đã phải bỏ làng tìm về thành phố cũ, sống trước mái hiên nhà của chính mình ngày trước. Bà nội nó chỉ về được một lần, đứng nhìn ngôi nhà của mình bây giờ đang là một khách sạn mấy tầng, mà chủ nhân là một ông ngồi trong Ủy Ban Cải Tạo Tư Sản ngày xưa, bây giờ đã là ông lớn, chức hàm cơ bộ trưởng. Tài sản duy nhất còn lại của gia đình bà là ngôi mộ hoang của ông chồng, ngày xưa nằm trong một nghĩa trang ở ngoại ô thành phố, nhưng bây giờ nhà cửa mọc kín chung quanh. Cây cối và cỏ rác như muốn phủ lấp mộ phần. Bà phải ở lại đó mấy ngày mới dọn dẹp xong. Sau lần ấy, bà về nhà rồi ngã bệnh. Vợ chồng cậu con trai bán đủ thứ trong nhà, cùng với hảo tâm của mấy người hàng xóm, nhưng cũng không đủ tiền đưa bà đi bệnh viện. Trước khi chết bà chỉ ước ao duy nhất một điều là được chôn cất bên cạnh mộ chồng dưới thủ đô Hà Nội, cũng là vùng đất của dòng họ qua bao nhiêu đời. Vậy mà cái điều ước ao trời trăn duy nhất đó của bà, cũng không ai thực hiện được, bởi cái nghĩa trang đó bây giờ nằm trong quy hoạch thành phố, tấc đất tấc vàng, không để gì mua được.

Nghe thằng bé kể, nhìn nhà thờ Đức Bà trước mặt và nhớ tới bà, tôi lại thầm nghĩ là Thượng Đế đã không có mặt trên đất nước tôi. Thực ra điều này tôi cũng đã từng nói với mấy thằng bạn tù, sau tháng 4/75. Bởi nếu có Thượng Đế, sao Ngài lại bắt dân chúng miền Nam, những người hữu thần, đã bao nhiêu đời hằng tin và thờ phụng Ngài, lại phải vác cây thánh giá nặng nề, để tan tác điêu linh như thế. Lòng tôi thấy xốn xang và tội nghiệp cho bà. Tôi thầm trách mình cũng chỉ là kẻ vong ơn, đã quên mất lòng tốt của bà trong những ngày mình vô cùng khốn khó. Mà lẽ đời là thế. Khi đã sang sông còn có mấy ai nghĩ tới con đò. Thằng bé lại nhắc tôi về chuyện đánh giày, đền ơn đáp nghĩa. Tôi đưa chân ra, cả đám cười ồ, tôi đang mang dép. Thằng bé lấy một tập báo đủ loại trên tay thằng bạn, để trước mặt tôi.

- Vậy thì chúng cháu biểu chú mấy tờ báo, về khách sạn chú đọc cho vui. Toàn chuyện mấy ông lớn tham nhũng ăn chơi tiền tỉ đấy!

Tôi cảm ơn và hỏi mua một xấp vé số. Trả tiền xong tôi chia đều cho ba đứa, coi như món quà may mắn, hẹn ngày mai gặp tôi ở khách sạn, tôi sẽ dẫn đi chơi bất cứ nơi nào các cháu thích. Khi chia tay tôi ôm vai thằng bé đánh giày:

- Ngày mai cháu nhớ đến nhà. Chú rất cần gặp cháu.

Suốt ngày hôm sau, sau khi dắt ba thằng bé vào chợ Bến Thành mua sắm một số áo quần, cho các cháu một ít tiền, tôi thuê xe chở cả đám đi Vũng Tàu. Cả ba đứa đều mong ước được đến đây một lần cho biết thành phố biển nổi tiếng này, và cũng muốn xem “tình hình” để chuyên xuống đây kiếm sống, bởi nghe nói ở đây có nhiều khách ngoại quốc đến du lịch, hơn nữa ở Sài Gòn càng lúc càng khó khăn, vì số trẻ em (và cả người lớn) từ ngoài Bắc vào kiếm ăn ngày càng đông. Trong lúc ngồi trên bãi sau, tôi tâm tình thật nhiều với thằng bé đánh giày, kể cho nó nghe chuyện ngày xưa bọn tôi có lần đến ở nhà bà nội nó một tuần và được bà thương yêu giúp đỡ. Nó ngồi bên tôi nghe rơm rớm nước mắt, rồi dùng ngón tay nắn nót viết tên của bà nội trên cát.

Trên đường về lại Sài Gòn, tôi ghé lại Nghĩa Trang Quân Đội cũ, nằm bên xa lộ Biên Hoà. Khó khăn lắm, phải hỏi thăm nhiều người, anh tài xế taxi mới tìm được lối vào.

Bức tượng Tiếc Thương đã từng tạo huyền thoại một thời, không còn nữa, nhưng Nghĩa Dũng Đài còn đứng sừng sững giữa những ngôi mộ hoang phế, im lìm. Tôi nghe trong gió như có tiếng oan hồn tử sĩ. Tìm đến ba ngôi mộ của ba thằng bạn lính cùng đơn vị cũ, mà chính tôi là người thân quen duy nhất chào tiễn biệt tại đây vào những giờ phút thứ hai mươi lăm của cuộc chiến, cùng với những người lính chung sự vẫn âm thầm tận tụy như từng bao nhiêu năm mai táng những đồng đội chưa bao giờ gặp mặt. Ba thằng bé phụ tôi hi hục dựng lại mấy tấm bia gãy đổ. Tôi ngồi trước những nắm mộ sụt sùi. Ba thằng bé chưa từng biết những gì đớn đau và bất công của cuộc chiến Bắc-Nam, cũng ngậm ngùi cảm động, trịnh trọng hứa với tôi sẽ thường xuyên rủ nhau đến đây để hương khói và chăm sóc các mộ phần.

- Bạn đồng đội của chú chắc chắn là những người tốt.

Ba đứa bé nói với tôi trên đường ra xe về lại Sài Gòn, trong lúc đầu óc tôi còn đang miên man về cách hành xử tàn tệ từ những con người không có trái tim, không còn biết thế nào là “nghĩa tử, nghĩa tận”

Về khách sạn, ba cháu xin được ở lại với tôi đêm nay, để khuya đưa tôi ra phi trường. Không ngờ những đứa bé từ một vùng núi non Việt Bắc xa xôi lại chí tình với một người miền Nam, và bây giờ chỉ còn là... “khúc ruột ngàn dặm”, như tôi. Tôi lấy thêm một phòng, cho hai đứa kia, còn thằng bé đánh giày nhỏ nhất, ở cùng phòng với tôi. Trước khi đi ngủ, tôi cho thằng bé một ngàn đô la và bảo nó ngày mai mua vé xe lửa về lại Nghĩa Lộ, đưa cho ba má nó.

Tôi viết trên một mảnh giấy kèm theo, bảo với ba nó tôi là một trong bốn người tù cải tạo lúc xưa, và dùng số tiền này tìm mọi cách đưa bà cụ về Hà Nội nằm bên ông cụ, như lời bà trần trời lúc lâm chung. Tôi có cho địa chỉ để anh ta liên lạc. Tôi còn căn dặn thằng bé phải hết sức cẩn thận, vì các chuyến xe Thống Nhất Bắc-Nam sẽ rất đông người vào những ngày giáp Tết. Nó tròn mắt nhìn tôi ngạc nhiên, rồi rom róm nước mắt, nắm chặt bàn tay tôi, nói ngày mai sẽ may thêm một cái túi bên trong chiếc áo để khâu tiền vào trong đó.

ooOoo

“Kính thưa Anh,

Vợ chồng em và chắc chắn là vong linh của mẹ em nữa, xin muôn vàn cảm tạ ơn Anh.

Không ngờ chỉ có mấy ngày ngắn ngủi rất xa xưa, mà mãi đến nay Anh vẫn còn nhớ đến mẹ con em. Riêng em thì gần như đã quên chuyện ấy nếu không có anh nhắc lại hôm nay.

Giờ em mới nhớ lại, sau khi các Anh rời khỏi nhà em, mẹ em khóc mất mấy hôm. Bà bảo phần thì tội nghiệp các anh, phần thì nghĩ tới số phận oan khiên của gia đình em vào những ngày Đảng vừa lên nắm chính quyền. Bà bảo các anh và gia đình chúng em đã phải cùng gánh chung số phận.

Chúng em cũng xin báo tin để anh mừng, là với số tiền anh cho, chúng em đã đưa được mộ phần của bố em ra một nghĩa địa khác, trước khi chính quyền cho san bằng khu nghĩa địa cũ để xây đô thị. Khu nghĩa địa mới dù nằm khá xa thành phố nhưng sạch sẽ và yên tĩnh. Vợ chồng em cũng cải táng phần mộ của mẹ em và đưa em gái ở Nghĩa Lộ, đưa về chôn bên cạnh bố em. Gọi là nghĩa địa, nhưng phải mua với giá rất cao. Nếu không có tiền của Anh cho, biết đến lúc nào chúng em mới thực hiện được lời ước ao trần trời của mẹ em.

Nghe đất nước đã đổi mới từ lâu, nhưng có lẽ chỉ đổi mới ở dưới những thành phố lớn, chứ cái làng Thượng Sơn của chúng em thì ngày thêm khốn khó. Rồi nay mai vợ chồng em cũng phải bỏ Thượng Sơn mà về Hà Nội, hoặc chạy thẳng vào Sài Gòn. Có làm ăn xin hay phải sống ngoài đường chắc cũng còn khá hơn.

Phân vân mãi, cuối cùng chúng em cũng phải báo đến anh một tin buồn. Thằng bé Khiêm con em cũng không còn. Trên chuyến tàu Thống Nhất ngày Ba Mươi Tết hôm ấy, nó bị cướp. Có lẽ bọn cướp biết được cháu giữ số tiền lớn của anh cho, nên đánh để cướp. Nhưng dù bị máu me thương tích đầy người cháu vẫn hai tay ôm chặt lấy túi tiền khâu kỹ trong mấy lớp áo trước ngực. Bọn cướp tháo chạy trước khi có công an đường sắt tới.

Về nhà cháu tỉnh táo được một vài hôm, ăn Tết với chúng em, kể lại chuyện bất ngờ gặp Anh, được Anh yêu thương và gửi cho chúng em một số tiền quá lớn. Chúng em cứ tưởng mình nằm mơ. Nhưng chỉ một tuần sau cháu bị sốt nặng rồi hôn mê. Đem vào bệnh viện huyện, bác sĩ bảo cháu chỉ bị cảm cúm, cấp cho mấy viên aspirin và bảo em mua mật ong cho cháu uống sẽ khỏi. Nhưng càng lúc thấy cháu càng tệ hơn, em xin phương tiện chuyển vào bệnh viện tỉnh. Chờ mãi không có vợ chồng em nóng lòng nên phải thuê xe tư. Ở bệnh viện tỉnh, em phải đút lót cháu mới được được chụp hình. Bác sĩ cho biết cháu bị chấn thương sọ não. Cháu qua đời vài ngày sau đó.

Bây giờ cháu cũng đang nằm bên cạnh ông bà nội, và cô út của nó, chắc cháu nó cũng được ấm lòng nơi chín suối. Chúng em tin là cháu sẽ mãi mãi theo phù hộ cho Anh trong những ngày Anh xa quê lưu lạc xứ người.

Chúng em xin gửi đến Anh trọn lòng kính mến và lúc nào cũng cầu nguyện mọi điều tốt đẹp cho Anh cùng gia đình.

Kính thư,

Bố mẹ cháu Khiêm

Trần Trọng An

Bức thư tôi nhận được đúng một tháng sau ngày Tết Nguyên Đán. Suốt cả đêm trần trọc, tôi không biết có đúng là mình đã trả ơn Bà, hay là lại mang thêm tai họa đến cho gia đình Bà. Thì ra trong cái xã hội đang có nhiều quan lớn và đại gia giàu có, thì cái sinh mạng của những người nghèo khổ khốn cùng cũng vẫn chỉ là cỏ rác. Đường như tôi có nghe ai đó nói: “Cuối niềm vui nào cũng có xót xa, sau cuộc trùng phùng nào cũng có mầm mống của ly tan”.

phạmtinninh (Vương Quốc Na Uy)

Thông Báo

1.) Hội có nhận một lá thư của Đồng Hương Thái Lâm Nghĩa (Peoria, IL) xin được phổ biến để thông báo như sau: “Nhân ngày lễ hội làm chay của chùa Bà Thiên Hậu Bửu Long, theo thông lệ 3 năm một lần, tổ chức từ ngày 23 đến 25 tháng 7 năm 2007, Ban Trị Sự Chùa Bà Thiên Hậu Bửu Long kính báo cùng quý đồng hương hải ngoại, phần tin này, để cùng nhau của ít lòng nhiều ủng hộ cho cuộc tổ chức được kết quả tốt đẹp. Chúng tôi, Ban Trị Sự, chân thành cảm tạ và kính chúc Quý Đồng Hương luôn được an khang và thịnh vượng. TM/BTS/HT Trần Minh.

Mọi sự đóng góp xin liên lạc về: Mr. Thái Lâm Nghĩa. 3321 N. Parish Ave. Peoria, IL 61064.

2.) Hội có nhận được một tài liệu của Đồng Hương Bác Tổng Đình Bắc gửi về góp phần thông tin việc Sở Tài Chính tại Việt Nam, đang chuẩn bị cho kế hoạch chi trả phần trị giá nhà (đã bị chiếm đoạt sau 1975) của các chủ nhân đang ở nước ngoài. Chủ nhân có thể nhận trực tiếp hay uỷ quyền cho thân nhân nhận lãnh giùm. Phần tin này trích dẫn ra từ Báo Pháp Luật số 035 phát hành ngày 14-3-2007.